

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DSST
Ngày: 13/12/2019
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Chúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Quýt và bà Điều Thị Hương;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B Đ, tỉnh Bình Phước tham gia phiên
tòa:* Ông Đỗ Lâm Hiếu – chức vụ: Kiểm sát viên.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thúy Hằng;

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2018/TLST-DS, ngày 06 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa ra xét xử số: 10/2019/QĐXX- ST ngày 25 tháng 10 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 06/2019/QĐST-TNPT ngày 15/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1968 (Vắng mặt)

HKTT: E 26, Cư xá Ph L B, b H, phường 13, quận 6, thành phố HCM

Tạm trú: Khu phố Th B, thị trấn Th B, Huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm: 1970

Địa chỉ: Khu phố Th B, thị trấn Th B, Huyện B Đ, tỉnh Bình Phước – (có mặt)

Đồng bị đơn: Ông Lê Hoàng D, sinh năm: 1970 (vắng mặt), bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T Ph, xã T Th, Huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn V, sinh năm: 1959

HKTT: 269 đường A D V, phường 4, quận 5, thành phố HCM

Tạm trú: Khu phố Th B, thị trấn Th B, Huyện B Đ, tỉnh Bình Phước (có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu khởi kiện đề ngày 29/7/2019 cùng các biên bản làm việc tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Minh T trình bày: Ngày 26/7/2017, vợ chồng ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị Th có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền là 184.000.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu đồng). Khi vay các bên có làm giấy biên nhận vay tiền và thời hạn vay 03 (ba) tháng. Tuy nhiên, đến hạn Ông D, bà Th không thực hiện việc trả nợ đúng như đã cam kết khiến bà L phải đòi nhiều lần. Đến nay, Ông D, bà Th vẫn chưa trả số tiền trên cho bà L.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông D, bà Th phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc cho bà L là 184.000.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu đồng) và lãi suất theo qui định tính từ thời điểm vi phạm hợp đồng ngày 27/10/2017 đến ngày 27/10/2019 là 24 tháng.

Ngoài ra Ông T không có yêu cầu gì thêm.

Chứng cứ bà L cung cấp là giấy biên nhận vay tiền giữa bà Nguyễn Thị L và ông Lê Hoàng D, bà Nguyễn Thị Th.

Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Hoàng D vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản tự ghi lời khai ngày 06/9/2019 ông D thừa nhận vợ chồng ông, bà có nợ bà L số tiền nhưng vào năm 2017 vợ chồng Ông D, bà Th có bán vật liệu xây dựng cho bà L, ông V xây nhà Yên đến 26/7/2017 nợ gốc và lãi là 251.000.000 đồng (hai trăm năm mươi một triệu đồng) trừ tiền vật liệu xây dựng 83.175.000 đồng, số tiền còn nợ lại là: 167.725.000 đồng cộng tiền lãi 16.000.000 đồng. Tổng cộng: 184.000.000 đồng. bà L tiếp tục mua vật liệu xây dựng từ ngày 26/7/2017 đến 21/7/2018 là 97.305.0000 đồng chưa trả nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L, ông V phải trừ vào số nợ 184.000.000 đồng vậy vợ chồng ông chỉ còn nợ số tiền 86.695.000 đồng (tám mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Tại biên bản hòa giải ngày 16/9/2019 vợ chồng Ông D, bà Th chỉ đồng ý trả bà L số tiền 86.695.000 đồng gốc không đồng ý trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 15/12/2019 bà Nguyễn Thị Th có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án nhân dân Huyện B Đ giải quyết buộc vợ chồng bà L, ông V phải cân trừ khoản tiền mua vật liệu xây dựng của vợ chồng bà là 97.305.0000 đồng mà bà L, ông D mua từ ngày 26/7/2017 đến 21/7/2018.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn V trình bày tại biên bản tự ghi lời khai ngày 16/9/2019 với nội dung như sau: Ngày 26/7/2017, vợ chồng ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị Th có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền là 184.000.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu đồng). Khi vay các bên có làm giấy biên nhận vay tiền và thời hạn vay 03 (ba) tháng. Tuy nhiên, đến hạn Ông D, bà Th không thực hiện việc trả nợ đúng như đã cam kết khiến bà L phải đòi nhiều lần. Đến nay, Ông D, bà Th vẫn chưa trả số tiền trên cho bà L. Ông V thống nhất với các yêu cầu khởi kiện của bà L đề nghị Tòa án nhân dân Huyện B Đ giải quyết buộc Ông D, bà Th phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc cho bà L là 184.000.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu đồng) và lãi suất theo qui định tính từ thời điểm vi phạm hợp đồng là ngày 27/10/2017

cho đến nay. Do ông phải đi làm ăn xa nên không có thời gian và điều kiện ông V xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa cũng như tại phiên tòa.

Tòa án đã triệu tập các bên tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cũng như phiên hòa giải, cho các bên thống nhất giải quyết các vấn đề của vụ án nhưng hòa các bên không thống nhất được ý kiến.

Biên bản hòa giải không thành.

Tại phiên tòa:

-Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L, ông V số tiền mà Ông D, bà Th đã vay theo giấy vay tiền ngày 26/7/2017 là: 184.000.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu đồng) và lãi suất theo qui định tính từ thời điểm vi phạm hợp đồng ngày 27/10/2017 cho đến ngày 27/10/2019 là 24 tháng. Ngoài ra Ông T không có yêu cầu gì khác.

-Bị đơn bà Nguyễn Thị Th yêu cầu vợ chồng bà L, ông D phải căn trừ số tiền mua vật liệu xây dựng 97.305.000 đồng chưa trả cho bà trong số nợ 184.000.000 đồng (một trăm tám mươi bốn triệu đồng). Bà Th chỉ đồng ý trả bà L ông D 86.895.000 đồng (tám mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền gốc không đồng ý trả lãi.

-Bị đơn ông Lê Hoàng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D, ông V theo quy định của pháp luật.

+ Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm nào.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L thuộc trường hợp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn có địa chỉ cư trú tại Huyện B Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân Huyện B Đ được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Hoàng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn V có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Theo qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 26/7/2017, bà L có cho vợ chồng Bà Th, ông D vay số tiền 184.000.000 đồng, hạn 03 tháng sau trả tiền; Các bên có lập giấy vay tiền và bà Nguyễn Thị Th, ông Lê Hoàng D đều ký người vay. Khi vay tiền các bên không có thỏa thuận lãi suất nên đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

[3.2] Xét giấy mượn tiền Ông D, bà Th là người trực tiếp ký giấy vay. Bà Th, ông D là vợ chồng căn cứ vào Điều 27 và Điều 37 luật hôn nhân gia đình 2014 cần buộc Ông D, bà Th phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả số nợ gốc và lãi suất chậm trả cho nguyên đơn.

[3.3] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự buộc Ông D, bà Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho Nguyên đơn tổng số tiền là 184.000.000 đồng nợ gốc.

[3.4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc Bà Th, ông D phải trả số tiền lãi suất chậm trả với mức lãi suất là 10%/ năm trên số tiền 184.000.000 đồng tương ứng với thời gian chậm trả là từ ngày 27/10/2018 cho đến ngày 27/10/2019 dương lịch là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

Số tiền lãi chậm trả đồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính từ ngày 27/10/2017 đến ngày 27/10/2019 là: $184.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm}$ (tương ứng $0,833\% / \text{tháng} \times 24 \text{ tháng} = 36.798.528 \text{ đồng}$).

[3.5] Đối với yêu cầu phản của bà Nguyễn Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L, ông Trần Văn V phải cản trừ số tiền 97.305.000 đồng bà L ông D mua vật liệu xây dựng của bà chưa trả. Tuy nhiên vào ngày 15/11/2019 Tòa án có giao nhận thông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng hết thời hạn quy định Bà Th vẫn không nộp tạm ứng án phí theo qui định mà không có lý do chính đáng. Vì vậy theo qui định tại điểm d khoản 1 Điều 192 Tòa án đã trả lại đơn yêu cầu phản tố cho Bà Th. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét. Tại phiên tòa Bà Th vẫn tiếp tục yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết buộc bà L, ông V phải cản trừ cho vợ chồng bà số tiền bà L, ông D mua vật liệu xây dựng của vợ chồng bà chưa trả từ ngày 26/7/2017 đến 21/7/2018 tiền 97.305.000 đồng.

Tại biên bản đối chất lời khai giữa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Minh T và bị đơn bà Nguyễn Thị Th ngày 15/10/2019 và tại phiên tòa, Ông T thừa nhận thời gian từ ngày 26/7/2017 đến 21/7/2018 vợ chồng bà L, ông V có mua vật liệu xây dựng của Bà Th, ông D nhưng đã thanh toán xong không còn nợ nần gì. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Bà Th không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc bà L, ông D mua vật liệu xây dựng của bà chưa thanh toán đối với số tiền 97.305.000 đồng. Vì vậy trình bày này của bà không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông V thống nhất yêu cầu của bà L, không có ý kiến gì thêm. HĐXX không xét.

Về án phí: Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật được tính như sau: $220.800.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.040.000 \text{ đồng}$.

Ngày 26/11/2019 bà Nguyễn Thị Th, ông Lê Hoàng D có đơn yêu cầu xin giảm tiền án phí đề ngày 26/11/2019 có xác nhận của chính quyền địa phương xác nhận hiện gia đình Bà Th có gặp khó khăn về kinh tế.

Căn cứ khoản 1 Điều 13 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bà Nguyễn Thị Th thuộc trường hợp người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tiền nộp án phí, được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm”.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 463, 466, 467 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 271, 273, 147, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc ‘tranh chấp hợp đồng vay tài sản ‘ đối với ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị Th.

Buộc ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn V số tiền 220.800.000 đồng(hai trăm hai mươi triệu, tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà L, ông V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Ông D, bà Th còn phải trả cho bà L, ông V tiền lãi theo lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2] Về án phí DSST: Ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị Th phải chịu 11.040.000 đồng (mười một triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng) (do Ông D, bà Th có đơn xin giảm án phí và được giảm 50% án phí theo quy định), Bà Th phải chịu 5.520.000 đồng (năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B Đ trả lại cho bà Nguyễn Thị L 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016446 ngày 06/8/2019.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND Huyện B Đ;
- Chi cục THADS Huyện B Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Thị Chức

